

# HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ GÓP VỐN BẰNG QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

● NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

## TÓM TẮT:

Góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) là một trong các hình thức khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ. Ở Việt Nam, góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ đã diễn ra khá lâu, tuy nhiên vẫn còn thiếu một hành lang pháp lý đầy đủ và rõ ràng cho việc góp vốn bằng loại tài sản này. Bài viết phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam về góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ, trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** góp vốn, sở hữu trí tuệ, hoàn thiện pháp luật.

## 1. Thực trạng pháp luật về góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ

Trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0, quyền SHTT trở thành công cụ đắc lực trong việc nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp cũng như nền kinh tế quốc gia. Với nhu cầu khai thác thương mại quyền SHTT nói chung và đưa quyền SHTT trở thành vốn kinh doanh nói riêng, cần thiết phải có một hành lang pháp lý vững chắc, đảm bảo cho hoạt động khai thác thương mại quyền SHTT dưới hình thức góp vốn cũng như hạn chế tối đa có rủi ro pháp lý.

Chịu sự điều chỉnh của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật SHTT, tuy nhiên, nếu như pháp luật doanh nghiệp thể hiện được tính chất điều chỉnh chung cho hoạt động góp vốn thì pháp luật SHTT lại dường như thiếu vắng các quy định điều chỉnh cho hoạt động thương mại hóa này. Do đó, chỉ với các quy định mang tính chất điều chỉnh chung cho tất cả các loại tài sản theo quy định của pháp luật doanh nghiệp là không đủ cho việc góp vốn bằng

loại tài sản có tính chất đặc thù này. Có thể thấy, các quy định hiện hành về góp vốn bằng quyền SHTT còn chưa thực sự rõ ràng; có sự mâu thuẫn, chồng chéo; nhiều vấn đề đặt ra nhưng pháp luật chưa có quy định, từ đó khiến cho việc thực hiện pháp luật trên thực tế gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

(i) *Quy định về hình thức góp vốn:* Kể từ Luật Doanh nghiệp năm 2005 đến Luật Doanh nghiệp năm 2020 chỉ ghi nhận một hình thức góp vốn duy nhất bằng quyền SHTT đó là góp vốn theo hình thức chuyển quyền sở hữu. Việc góp vốn bằng quyền SHTT theo hình thức chuyển quyền sử dụng chỉ được đề cập đến trong Công văn số 4968/VPCP-KGVX ngày 22/7/2009 của Văn phòng Chính phủ về việc góp vốn bằng giá trị quyền sở hữu công nghiệp cho phép “sử dụng nhãn hiệu để góp vốn kinh doanh, áp dụng thí điểm cho Tập đoàn Vinashin”. Sau đó, Bộ Tài chính đã có công văn hướng dẫn thực hiện thí điểm đối với tập

đoàn Vinashin. Ngoài ra, không có một văn bản pháp lý nào khác cho phép góp vốn bằng quyền sử dụng đối tượng SHTT nói chung và quyền sử dụng nhãn hiệu nói riêng. Trên thực tế, việc góp vốn bằng quyền SHTT phổ biến song song với cả hai hình thức góp vốn nhưng lại thiếu hoàn toàn cơ chế pháp lý điều chỉnh cho việc góp vốn bằng quyền SHTT theo hình thức chuyển quyền sử dụng.

(ii) *Quy định về chủ thể góp vốn*: Điều 34 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định “2. Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp hoặc có quyền sử dụng hợp pháp đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều này mới có quyền sử dụng tài sản đó để góp vốn theo quy định của pháp luật”. Quy định này dù mang tính chất khái quát và tính chất điều chỉnh chung đối với việc góp vốn bằng tất cả các loại tài sản, nhưng nếu không có hướng dẫn cụ thể sẽ khiến cho các chủ thể góp vốn hiểu rằng không chỉ có chủ sở hữu hợp pháp mà chủ thể có quyền sử dụng hợp pháp đối tượng SHTT cũng được sử dụng quyền SHTT để góp vốn.

(iii) *Quy định về đối tượng góp vốn*: Pháp luật doanh nghiệp và pháp luật SHTT đều không có quy định về phạm vi quyền SHTT góp vốn, cũng như các trường hợp quyền SHTT không được sử dụng để góp vốn khiến cho việc xác định phạm vi quyền SHTT góp vốn gặp nhiều khó khăn, tạo ra các quan điểm không thống nhất về các quyền SHTT góp vốn. Mặt khác, đối tượng góp vốn bằng quyền SHTT theo quy định của pháp luật doanh nghiệp hiện nay không phù hợp với quy định của pháp luật SHTT. Pháp luật doanh nghiệp xác định thương hiệu (bao gồm nhãn hiệu, tên thương mại) là đối tượng góp vốn bằng quyền SHTT. Điều này đã từng được nhận định trong Thông tư số 146/2007/TT-BTC và hiện nay dù Nghị định số 126/2017/NĐ-CP không còn quy định “giá trị thương hiệu (bao gồm: nhãn hiệu, tên thương mại),...” nhưng nội dung của quy định tại Điều 31 vẫn thể hiện cách hiểu này. Tuy nhiên, theo Luật SHTT quyền đối với tên thương mại không phải là đối tượng có thể sử dụng để góp vốn riêng rẽ như cách hiểu của pháp luật doanh nghiệp.

(iv) *Quy định về định giá quyền SHTT góp vốn*: Một số quy định pháp luật về định giá bao gồm chủ

thể định giá, phương pháp định giá quyền SHTT góp vốn chưa thực sự hợp lý. Sự tham gia của tổ chức thẩm định giá theo quy định của Luật Doanh nghiệp là không mang tính bắt buộc và không có sự độc lập. Bên cạnh đó, dù có quy định về sự tham gia của tổ chức thẩm định giá nhưng lại không đặt ra trách nhiệm pháp lý của tổ chức này. Ngoài ra, quy định về trách nhiệm của thành viên, cổ đông sáng lập trong trường hợp định giá cao hơn giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá cũng chưa cụ thể, rõ ràng về tỷ lệ đóng góp giữa các thành viên.

(v) *Quy định về thực hiện góp vốn bằng quyền SHTT*: Hiện nay, quy định về việc chuyển quyền sử dụng tài sản góp vốn theo quy định tại Điều 35 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 là không hợp lý vì không mang tính bao quát đối với mọi loại tài sản góp vốn, gây ra sự mâu thuẫn giữa pháp luật doanh nghiệp và pháp luật SHTT. Bên cạnh đó, vấn đề thay đổi tài sản góp vốn chỉ được đặt ra đối với loại hình công ty TNHH hai thành viên mà không được đề cập đến đối với các loại hình công ty còn lại. Không những vậy, pháp luật hiện nay cũng không có quy định nào đề cập đến vấn đề trách nhiệm của thành viên, cổ đông sáng lập trong trường hợp tài sản góp vốn là quyền SHTT được xác định là không thuộc sở hữu hợp pháp của bên góp vốn hoặc quyền SHTT bị hủy bỏ hiệu lực của văn bằng bảo hộ.

## 2. Một số kiến nghị hoàn thiện

### 2.1. Hoàn thiện quy định về hình thức góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ

Cần hướng dẫn cụ thể về việc có cho phép góp vốn bằng quyền SHTT theo hình thức chuyển quyền sử dụng hay không. Theo tác giả, việc cho phép góp vốn bằng quyền SHTT ở Việt Nam theo hình thức chuyển quyền sử dụng hoàn toàn có thể thực hiện được. Vì vậy, pháp luật doanh nghiệp nên ghi nhận về góp vốn bằng SHTT theo hình thức chuyển quyền sử dụng. Tuy nhiên, việc góp vốn bằng quyền SHTT theo hình thức này chỉ nên áp dụng đối với một số các đối tượng của quyền SHTT như tác phẩm, chương trình máy tính, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, bí mật kinh doanh, giống cây trồng. Bên cạnh đó, để đảm bảo hiệu quả cho

việc khai thác đối tượng này cũng như tránh các tranh chấp phát sinh từ việc sử dụng của các chủ thể khác, góp vốn theo hình thức chuyển quyền sử dụng chỉ phù hợp đối với hình thức chuyển quyền sử dụng độc quyền. Bởi lẽ, nếu không chuyển giao theo hình thức độc quyền có nghĩa là nhiều chủ thể có thể sử dụng tài sản này cùng một lúc và điều này sẽ khiến cho quyền kiểm soát thực tế của công ty nhận góp vốn đối với quyền sử dụng đối tượng SHTT là tương đối thấp, cũng như làm ảnh hưởng tới giá trị của quyền SHTT góp vốn.

### **2.2. Hoàn thiện quy định về chủ thể góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ**

Đối với việc chủ thể có quyền sử dụng đối tượng SHTT theo hợp đồng li - xăng độc quyền có được phép sử dụng quyền SHTT để góp vốn hay không vẫn có những quan điểm khác nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng, không nên cho phép chủ thể có quyền sử dụng đối tượng SHTT theo hợp đồng li - xăng độc quyền để góp vốn, bởi lẽ, việc phụ thuộc vào quyền của bên giao li - xăng làm tăng rủi ro cho hoạt động góp vốn.

Quan điểm thứ hai cho rằng, quyền sử dụng đối tượng SHTT theo hợp đồng li - xăng độc quyền có khả năng chuyển giao độc lập và có thể sử dụng để góp vốn. Trong trường hợp nếu có rủi ro xảy ra, bên giao li - xăng sẽ chịu trách nhiệm từ việc vi phạm hợp đồng.

Tác giả đồng ý với quan điểm thứ hai, theo đó, đối với quyền sử dụng quyền SHTT theo li-xăng độc quyền vẫn có đủ điều kiện để có thể góp vốn. Trong trường hợp nếu pháp luật doanh nghiệp ghi nhận việc góp vốn theo hình thức chuyển quyền sử dụng thì thay vì chỉ quy định chủ thể góp vốn là chủ sở hữu quyền SHTT hay quy định về chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn (trừ quyền sử dụng đất) thì nên bổ sung thêm chủ thể có quyền sử dụng độc quyền SHTT trong phạm vi chuyển quyền.

### **2.3. Hoàn thiện quy định về đối tượng góp vốn bằng quyền SHTT**

*Thứ nhất, quy định rõ phạm vi các quyền SHTT được quyền góp vốn.*

Hiện nay, pháp luật doanh nghiệp và pháp luật SHTT đều không quy định quyền SHTT nào được và không được sử dụng để góp vốn. Việc xác định

quyền đối với đối tượng SHTT nào được góp vốn phải thông qua quy định về đối tượng có thể chuyển nhượng được quy định trong Luật SHTT. Tuy nhiên, bản chất của góp vốn và chuyển nhượng là khác nhau. Do đó, việc sử dụng các quy định về quyền SHTT được chuyển nhượng để áp dụng đối với việc góp vốn là không phù hợp. Vì vậy, pháp luật SHTT cần bổ sung các quy định về các quyền SHTT được và không được góp vốn.

*Thứ hai, bổ sung các quy định về trường hợp quyền SHTT bị hạn chế hoặc không được sử dụng để góp vốn.*

(i) Bổ sung quy định về hạn chế góp vốn bằng quyền SHTT trong thời hạn li-xăng độc quyền.

Đối với quyền SHTT đang li-xăng độc quyền trong phạm vi không gian góp vốn thì trong thời hạn li-xăng độc quyền, chủ sở hữu sẽ không có quyền sử dụng. Trong khi đó, khi nhận góp vốn bằng quyền SHTT, bên nhận góp vốn thường hưởng tới quyền sử dụng mà không phải chỉ có quyền sở hữu nhưng không có quyền sử dụng. Vì vậy, đề xuất “quyền SHTT đang trong thời hạn li-xăng độc quyền không được sử dụng để góp vốn trong phạm vi li-xăng độc quyền”.

(ii) Bổ sung quy định về trường hợp quyền SHTT đang có tranh chấp không được quyền góp vốn.

Thông thường, chỉ đối với các tranh chấp quyền SHTT về quyền sở hữu mới có thể thay đổi về chủ thể quyền SHTT, còn đối với các dạng tranh chấp khác thì không ảnh hưởng đến khả năng chuyển giao quyền SHTT. Vì vậy, tác giả đề xuất “Các quyền SHTT đang có tranh chấp về quyền sở hữu thì không được quyền góp vốn”.

*Thứ ba, bổ sung quy định về hậu quả pháp lý trong trường hợp góp vốn bằng quyền SHTT đang li - xăng theo hình thức không độc quyền.*

Đối với trường hợp quyền SHTT đang li - xăng theo hình thức không độc quyền hoàn toàn đủ điều kiện để góp vốn. Tuy nhiên, giải quyết vấn đề pháp lý như phí li-xăng, hợp đồng li-xăng trong trường hợp này như thế nào hiện nay không có quy định cụ thể. Vì vậy, đề xuất “đối với các hợp đồng li-xăng được giao kết trước thời điểm chuyển giao tài sản góp vốn thì sau khi chuyển giao cho bên

nhận góp vốn vẫn có hiệu lực. Chủ sở hữu mới của quyền SHTT có trách nhiệm ký lại hợp đồng với bên nhận li-xăng trong thời hạn còn lại của hợp đồng. Nếu bên nhận li-xăng đã thanh toán toàn bộ phí li-xăng trong thời hạn li-xăng cho bên giao li-xăng, thì bên giao li-xăng có nghĩa vụ thanh toán cho công ty khoản phí tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng li-xăng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

**2.4. Hoàn thiện quy định về định giá quyền sở hữu trí tuệ góp vốn**

*Thứ nhất, bổ sung quy định về các trường hợp bắt buộc phải có tổ chức thẩm định giá độc lập và trách nhiệm đặt ra đối với tổ chức thẩm định giá khi định giá sai quyền SHTT góp vốn.*

Việc cho phép sự tham gia của tổ chức thẩm định giá hay thẩm định viên độc lập sẽ đảm bảo cho việc định giá được khách quan và chính xác. Vì vậy, pháp luật doanh nghiệp cần quy định về vai trò bắt buộc của tổ chức thẩm định giá độc lập khi góp vốn bằng quyền SHTT trong một số trường hợp, cụ thể đó là khi vốn góp là tài sản phi tiền tệ nói chung và quyền SHTT chiếm một tỷ lệ 50% trong tổng số vốn góp. Bên cạnh đó, các thành viên, cổ đông sáng lập vẫn có quyền định giá tài sản góp vốn nhưng không được cao hơn giá mà tổ chức thẩm định giá độc lập đã đưa ra. Trường hợp các thành viên, cổ đông sáng lập định giá cao hơn so với giá mà tổ chức thẩm định giá độc lập đưa ra thì các thành viên, cổ đông sáng lập phải chịu trách nhiệm liên đới đối với phần định giá vượt quá.

Mặt khác, pháp luật doanh nghiệp cũng cần đặt ra vấn đề trách nhiệm của tổ chức thẩm định giá trong trường hợp cố ý định giá cao hơn giá trị thực tế của quyền SHTT tại thời điểm góp vốn. Một số trường hợp, việc cố ý định giá quyền SHTT góp vốn cao hơn giá trị thực tế do sự thiếu trung thực của tổ chức thẩm định và chủ thể góp vốn. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp 2020 chỉ đặt ra trách nhiệm liên đới của các thành viên góp vốn mà không đề cập đến trách nhiệm của tổ chức thẩm định giá. Vì vậy, trường hợp việc cố ý định giá quyền SHTT cao hơn giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn do sự thiếu trung thực của chủ thể góp vốn bằng quyền SHTT và tổ chức thẩm định giá thì chủ thể góp vốn bằng

quyền SHTT và tổ chức thẩm định giá phải chịu trách nhiệm liên đới đối với phần chênh lệch giá trị, đồng thời chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá cao hơn. Trong trường hợp không xác định được việc định giá cao hơn do sự thiếu trung thực của thành viên góp vốn và tổ chức thẩm định giá thì các chủ thể góp vốn và tổ chức thẩm định giá phải liên đới chịu trách nhiệm. Bên cạnh đó, pháp luật doanh nghiệp cần quy định cụ thể hơn về tỷ lệ đóng góp của các thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập trong trường hợp cố ý định giá quyền SHTT cao hơn giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn. Tác giả cho rằng, việc cố ý định giá quyền SHTT cao hơn giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn có sự đồng thuận của đa số các chủ thể góp vốn. Vì vậy, các chủ thể góp vốn đều phải có trách nhiệm như nhau trong trường hợp này mà không phụ thuộc vào tỷ lệ vốn góp.

Ngoài ra, trong Luật Doanh nghiệp có quy định về hành vi cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá nhưng không quy định căn cứ nào để xác định hành vi là cố ý hay vô ý. Vì vậy, tác giả đề xuất “trường hợp các chủ thể định giá không chứng minh được căn cứ cho việc định giá tài sản tại thời điểm góp vốn thì đều phải chịu trách nhiệm đối với việc định giá này”.

*Thứ hai, bãi bỏ quy định về việc bắt buộc các chủ thể chỉ được áp dụng các phương pháp thẩm định giá theo Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13.*

Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2014/TT-BTC đưa ra 3 cách tiếp cận để định giá quyền SHTT và quy định các chủ thể phải áp dụng các phương pháp định giá được quy định trong Tiêu chuẩn thẩm định giá 13. Quy định này không thực sự hợp lý. Ngoài ba cách tiếp cận và các phương pháp định giá được quy định trong Tiêu chuẩn thẩm định giá 13, còn có rất nhiều các phương pháp định giá khác được áp dụng trong định giá quyền SHTT. Vì vậy, thay vì việc áp đặt các chủ thể phải sử dụng một trong các cách tiếp cận và phương pháp luật định, văn bản này chỉ nên mang tính chất hướng dẫn để các chủ thể lựa chọn sử dụng. Tác giả đề xuất, nếu các chủ thể lựa chọn phương pháp định giá khác nhưng chứng minh được việc lựa chọn phương pháp định giá cũng như cách

thức định giá theo phương pháp đã lựa chọn thì phải chấp nhận với kết quả định giá theo phương pháp mà họ đã lựa chọn.

### **2.5. Hoàn thiện quy định về thực hiện góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ**

*Thứ nhất, sửa đổi quy định về chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn là quyền SHTT.*

Hiện nay, Luật Doanh nghiệp 2014 cũng như Luật Doanh nghiệp 2020 đều có quy định về chuyển giao tài sản góp vốn. Tuy nhiên, tác giả cho rằng việc quy định về chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp là không mang tính bao quát và dễ gây ra sự thiếu thống nhất giữa pháp luật doanh nghiệp và pháp luật trong các lĩnh vực khác có liên quan. Vì vậy, Luật Doanh nghiệp chỉ nên quy định mang tính điều chỉnh chung và việc chuyển giao cụ thể đối với từng loại tài sản góp vốn nên để Luật chuyên ngành trực tiếp điều chỉnh. Cụ thể, tác giả kiến nghị sửa đổi điều 35 Luật Doanh nghiệp năm 2020 như sau: “Việc chuyển giao quyền sở hữu và quyền sử dụng hợp pháp tài sản góp vốn quy định tại Điều 34 Luật này phải tuân theo trình tự, thủ tục về chuyển quyền sở hữu và chuyển quyền sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp, pháp luật liên quan không có quy định thì việc chuyển giao tài sản góp vốn phải có xác nhận bằng biên bản”.

*Thứ hai, quy định cụ thể về việc thay đổi tài sản góp vốn đối với loại hình công ty công ty cổ phần và công ty hợp danh.*

Đối với loại hình công ty TNHH, Luật Doanh nghiệp đã có quy định liên quan đến việc thay đổi tài sản góp vốn, tuy nhiên nội dung này đã không được đề cập đến đối với loại hình công ty cổ phần và công ty hợp danh. Pháp luật doanh nghiệp nên

bổ sung quy định về việc thay đổi tài sản góp vốn đối với các loại hình này theo hướng cho phép thay đổi tài sản góp vốn với sự đồng ý từ 50% chủ thể góp vốn.

*Thứ ba, bổ sung quy định về trách nhiệm của thành viên góp vốn trong trường hợp tài sản góp vốn là quyền SHTT không còn thuộc sở hữu của chủ thể góp vốn do văn bằng bảo hộ đối tượng SHTT bị hủy bỏ hiệu lực.*

Pháp luật doanh nghiệp cần có quy định cụ thể trong những trường hợp này thì chủ thể góp vốn có nghĩa vụ góp vốn bổ sung hay không cũng như cần quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) của chủ thể góp vốn phát sinh từ hành vi xâm phạm quyền SHTT.

### **3. Kết luận**

Pháp luật Việt Nam đã chứa đựng các quy phạm điều chỉnh chung cho hoạt động góp vốn nói chung và góp vốn bằng quyền SHTT nói riêng. Tuy nhiên, các quy định điều chỉnh riêng đối với góp vốn bằng quyền SHTT còn hết sức khiêm tốn. Có thể nhận thấy, việc góp vốn bằng quyền SHTT đang thiếu một hành lang pháp lý đầy đủ điều chỉnh hoạt động này. Bên cạnh đó, pháp luật về góp vốn bằng quyền SHTT còn thể hiện tính thiếu thống nhất, đồng bộ. Vì vậy, với nhu cầu khai thác thương mại quyền SHTT thông qua hình thức góp vốn và thực trạng pháp luật về góp vốn bằng quyền SHTT ở Việt Nam hiện nay, hoàn thiện pháp luật là yêu cầu cấp thiết và quan trọng. Điều này cũng đã được thể hiện trong quan điểm của Nhà nước Việt Nam về chiến lược phát triển SHTT. Hoàn thiện pháp luật về góp vốn bằng quyền SHTT cần tập trung ở các nội dung cơ bản bao gồm: (i) hình thức góp vốn; (ii) chủ thể góp vốn; (iii) đối tượng góp vốn; (iv) định giá quyền SHTT góp vốn; (v) thực hiện góp vốn ■

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Quốc hội (2020). *Luật Doanh nghiệp năm 2020*.
2. Luật Sở hữu trí tuệ 2005 sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019, 2022.
3. Văn phòng Chính phủ (2009). *Công văn số 4968/VPCP-KGVX của Văn phòng Chính phủ ngày 22/7/2009 về việc góp vốn bằng giá trị quyền sở hữu công nghiệp, Hà Nội*.

4. Bộ Tài chính (2010). *Công văn số 2349/BTC-TCDN ngày 25/2/2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện thí điểm đối với Tập đoàn Vinashin*, Hà Nội.

5. Bộ Tài chính (2014). *Thông tư số 06/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 7/1/2014 về ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá số 13*, Hà Nội.

**Ngày nhận bài: 6/7/2022**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 3/8/2022**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 13/8/2022**

*Thông tin tác giả:*

**TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**

**Khoa Luật, Trường Đại học Vinh**

## **IMPROVING VIETNAM'S REGULATIONS ON THE CAPITAL CONTRIBUTION IN TERMS OF INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS**

● **Ph.D NGUYEN THI PHUONG THAO**

Faculty of Law, Vinh University

### **ABSTRACT:**

Contributing capital by using intellectual property rights is a form of commercial exploitation of intellectual property rights. In Vietnam, although the capital contribution in terms of intellectual property rights has been used for a long time, the legal framework for this capital contribution form is still not clear. This paper analyzes the current Vietnam's regulations on the capital contribution in terms of intellectual property rights, and makes some recommendations to improve these regulations.

**Keywords:** capital contribution, intellectual property, legal improvement.